

Số: /QĐ-THPTCL

Đà Nẵng, ngày tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai điều chỉnh phân bổ dự toán**  
**chi ngân sách nhà nước năm 2026 của Trường THPT Cẩm Lệ**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CẨM LỆ**

*Căn cứ Quyết định số 974/QĐ-UBND ngày 04/02/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc thành lập Trường THPT Cẩm Lệ;*

*Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 627/QĐ-SGDĐT ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026;*

*Theo đề nghị của bộ phận Kế toán đơn vị.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 của Trường THPT Cẩm Lệ (theo mẫu biểu số 74 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2026/TT-BTC đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Văn phòng, Kế toán và các bộ phận liên quan thuộc đơn vị thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Sở GDĐT TP ĐN;
- Như Điều 3;
- Niêm yết bảng thông báo;
- Website trường;
- Lưu :VT, VP.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Thị Minh Huệ**

**Đơn vị: Trường THPT Cẩm Lệ**  
**Chương: 422**

**Mẫu biểu số 74**  
Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2026/TT-BTC  
ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**  
*(Kèm theo Quyết định số ...../QĐ-THPTCL ngày ...../4/2026  
của Hiệu trưởng Trường THPT Cẩm Lệ)  
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)*

*ĐVT: Triệu đồng*

| <b>Số TT</b> | <b>Nội dung</b>                                                                         | <b>Dự toán được giao</b> |
|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
| 1            | 2                                                                                       | 3                        |
| <b>A</b>     | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>                                      |                          |
| <b>I</b>     | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                                                               |                          |
| 1            | Lệ phí                                                                                  |                          |
|              | Lệ phí...                                                                               |                          |
| 2            | Phí                                                                                     |                          |
|              | Phí ...                                                                                 |                          |
| <b>II</b>    | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>                                                 |                          |
| <b>1</b>     | <b>Chi sự nghiệp.....</b>                                                               |                          |
| a            | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                                       |                          |
| b            | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                                 |                          |
| <b>2</b>     | <b>Chi quản lý hành chính</b>                                                           |                          |
| a            | Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ                                                   |                          |
| b            | Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ                                             |                          |
| <b>III</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</b>             |                          |
| <b>1</b>     | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ                                          |                          |
|              | Lệ phí...                                                                               |                          |
|              | Lệ phí...                                                                               |                          |
| <b>2</b>     | Phí                                                                                     |                          |
|              | Phí ...                                                                                 |                          |
|              | Phí ...                                                                                 |                          |
| <b>B</b>     | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                                                   |                          |
| <b>I</b>     | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                                                       |                          |
| <b>1</b>     | <b>Chi quản lý hành chính</b>                                                           |                          |
| 1.1          | Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ                                                   |                          |
| 1.2          | Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ                                             |                          |
| <b>2</b>     | <b>Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</b>             |                          |
| 2.1          | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ                                          |                          |
| -            | Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ |                          |
| -            | Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ                         |                          |

|           |                                                                             |                     |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------|
|           | <i>phát triển khoa học công nghệ</i>                                        |                     |
| 2.2       | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                           |                     |
| 2.3       | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                     |                     |
| -         | <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo</i>                        |                     |
| -         | <i>Nhiệm vụ chuyển đổi số</i>                                               |                     |
| <b>3</b>  | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo</b>                                      |                     |
| 3.1       | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                           | <b>17.171,132</b>   |
| 3.2       | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                     | <b>- 17.171,132</b> |
| <b>4</b>  | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>                               |                     |
| 4.1       | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                           |                     |
| 4.2       | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                     |                     |
| <b>5</b>  | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                                                   |                     |
| 5.1       | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                           |                     |
| 5.2       | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                     |                     |
| <b>6</b>  | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                                                |                     |
| 6.1       | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                           |                     |
| 6.2       | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                     |                     |
| <b>7</b>  | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                                      |                     |
| 7.1       | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                           |                     |
| 7.2       | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                     |                     |
| <b>8</b>  | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                                      |                     |
| 8.1       | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                           |                     |
| 8.2       | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                     |                     |
| <b>9</b>  | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>                     |                     |
| 9.1       | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                           |                     |
| 9.2       | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                     |                     |
| <b>10</b> | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                                       |                     |
| 10.1      | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                           |                     |
| 10.2      | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                     |                     |
| <b>II</b> | <b>Nguồn vốn viện trợ</b>                                                   |                     |
| <b>1</b>  | <b>Chi quản lý hành chính</b>                                               |                     |
| 1.1       | Dự án A                                                                     |                     |
| 1.2       | Dự án B                                                                     |                     |
| <b>2</b>  | <b>Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</b> |                     |
| 2.1       | Dự án A                                                                     |                     |
| 2.2       | Dự án B                                                                     |                     |
| <b>3</b>  | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo</b>                                      |                     |
| 3.1       | Dự án A                                                                     |                     |
| 3.2       | Dự án B                                                                     |                     |
| <b>4</b>  | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>                               |                     |
| 4.1       | Dự án A                                                                     |                     |
| 4.2       | Dự án B                                                                     |                     |
| <b>5</b>  | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                                                   |                     |

|            |                                                                             |  |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------|--|
| 5.1        | Dự án A                                                                     |  |
| 2.2        | Dự án B                                                                     |  |
| <b>6</b>   | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                                                |  |
| 6.1        | Dự án A                                                                     |  |
| 6.2        | Dự án B                                                                     |  |
| <b>7</b>   | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                                      |  |
| 7.1        | Dự án A                                                                     |  |
| 7.2        | Dự án B                                                                     |  |
| <b>8</b>   | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                                      |  |
| 8.1        | Dự án A                                                                     |  |
| 8.2        | Dự án B                                                                     |  |
| <b>9</b>   | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>                     |  |
| 9.1        | Dự án A                                                                     |  |
| 9.2        | Dự án B                                                                     |  |
| <b>10</b>  | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                                       |  |
| 10.1       | Dự án A                                                                     |  |
| 10.2       | Dự án B                                                                     |  |
| <b>III</b> | <b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>                                              |  |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                                               |  |
| 1.1        | Dự án A                                                                     |  |
| 1.2        | Dự án B                                                                     |  |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</b> |  |
| 2.1        | Dự án A                                                                     |  |
| 2.2        | Dự án B                                                                     |  |
| <b>3</b>   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>                          |  |
| 3.1        | Dự án A                                                                     |  |
| 3.2        | Dự án B                                                                     |  |
| <b>4</b>   | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>                               |  |
| 4.1        | Dự án A                                                                     |  |
| 4.2        | Dự án B                                                                     |  |
| <b>5</b>   | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                                                   |  |
| 5.1        | Dự án A                                                                     |  |
| 2.2        | Dự án B                                                                     |  |
| <b>6</b>   | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                                                |  |
| 6.1        | Dự án A                                                                     |  |
| 6.2        | Dự án B                                                                     |  |
| <b>7</b>   | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                                      |  |
| 7.1        | Dự án A                                                                     |  |
| 7.2        | Dự án B                                                                     |  |
| <b>8</b>   | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                                      |  |
| 8.1        | Dự án A                                                                     |  |
| 8.2        | Dự án B                                                                     |  |
| <b>9</b>   | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>                     |  |

|           |                                       |  |
|-----------|---------------------------------------|--|
| 9.1       | Dự án A                               |  |
| 9.2       | Dự án B                               |  |
| <b>10</b> | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b> |  |
| 10.1      | Dự án A                               |  |
| 10.2      | Dự án B                               |  |